

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông L

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê T

2. Ông Trần N

- *Thư ký phiên tòa :* Ông Đặng V H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị B - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2022/TLST-DS, ngày 11/7/2022, về “Tranh chấp dân sự về đòi lại T sản” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn :* Trần Tấn T, sinh năm 1960;

Địa chỉ : Số 595, ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện R, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T : Ông Dương Minh To, sinh năm 1988, địa chỉ : Số 723, đường Cái Môn, tổ 6, ấp 1, xã Mỹ Trà, thành phố C, tỉnh Đ (văn bản ủy quyền ngày 18/5/2022).

- *Bị đơn :* Võ Văn D, sinh năm 1960

Địa chỉ : Số 1190, tổ 4, khóm 1, Phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông D : Bà Bùi Mỹ N, sinh năm 1955, địa chỉ : Số , đường Nguyễn Huệ, tổ 21, phường B, thành phố C, tỉnh Đ- là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/11/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D : Ông Nguyễn Hồng G, Luật sư, Văn phòng Luật sư Hồng Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Ông Dương Dương Minh To, bà Bùi Mỹ N và ông Nguyễn Hồng Thanh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Trần Tấn T có ông Dương Minh To đại diện trình bày :*

Ngày 27/11/2011, ông T cho ông D vay số tiền 1.435.000.000 đồng, có biên nhận, thỏa thuận khi nào ông T cần tiền thì ông D trả, không thỏa thuận lãi suất. Đến năm 2013, ông D nợ thêm số tiền không có biên nhận, hai bên chốt nợ

là 1.700.000.000 đồng. Đầu năm 2014, ông T yêu cầu trả nợ nhưng ông D không trả. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R, tỉnh Đ ngày 18/10/2014, ông D thừa nhận nợ số tiền trên và xin bớt, ông D đồng ý trả cho ông T nên số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng, ông D hứa hàng tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng đến nay ông D không trả. Nay, yêu cầu cá nhân ông D trả số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 18/10/2014 đến ngày 18/5/2022 là 91 tháng, mức lãi 0,83%/tháng, thành tiền 1.132.950.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 2.632.950.000 đồng và tính lãi cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Ông T không đồng ý các yêu cầu phản tố của ông Võ Văn D.

Tại phiên tòa, ông Dương Minh To đại diện cho ông Trần Tấn T ý kiến : Thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp từ hợp đồng vay T sản thành đòi lại T sản, yêu cầu cá nhân ông Võ Văn D trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Ông Võ Văn D có bà Bùi Mỹ N đại diện tình bày :

Ông D không đồng ý trả tiền cho ông Trần Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng, lý do ông D không thiếu nợ ông T.

Trước đây, ông D mở Công ty trách nhiệm hữu hạn xây Dựng L) do bà Lê Kim Lang làm giám đốc (đã ngưng hoạt động từ năm 2012). Năm 2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây Dựng L có thể chấp T sản cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – thành phố C, tỉnh Đ như sau:

Thửa 555, 556, tờ bản đồ số 1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 274667, số vào sổ cấp GCN : CH00070, cấp ngày 14/4/2010 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp; Thửa 528, 530, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 236071, số vào sổ cấp GCN : CH00438, cấp ngày 27/9/2011 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 1606, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP 048113, số vào sổ cấp GCN: H01580, cấp ngày 16/4/2009 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 557, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AM 364560, số vào sổ cấp GCN : H01299, cấp ngày 18/4/2008 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 531, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 340651, số vào sổ cấp GCN:CH00138, cấp ngày 27/8/2010 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 1329 tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 448442, số vào sổ cấp GCN:H01007/A4, cấp ngày 04/6/2007 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 176, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 374422, số vào sổ cấp GCN : H02086, cấp ngày 25/9/2007 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 178, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 374423, số vào sổ cấp GCN : H02087, cấp ngày 25/9/2007 do Lê Kim Lang và ông Võ Văn D đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Thửa 96, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AQ 049310, số vào sổ cấp GCN : H1697, cấp ngày 24/7/2014 do Trần Văn Hùng đứng tên, đất tại huyện R, tỉnh Đồng Tháp;

Ông D và ông T muốn có tiền để hùn vốn kinh doanh, nên ông D và ông T thống nhất ông T giao quyền sử dụng đất thửa 2727, tờ bản đồ số 5, diện tích đất 660 m² tại xã Bình Thành, huyện R, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 236469, số vào sổ cấp GCN : CH 00873, ngày 25/8/2011 do ông Trần Tấn T đứng tên.

Bà Lang vay tổng số tiền vay 4.000.0000.000 đồng, trong đó Ngân hàng trị giá diện tích đất 660 m², thửa 2727 của ông T số tiền 975.000.000 đồng. Sau khi vay tiền thì số tiền 975.000.000 đồng do ông D quản lý.

Do ông D nợ ông T số tiền 975.000.000 đồng nên ông T tính lãi, hai bên chốt theo biên nhận ngày 27/11/2011, số tiền 1.435.000.000 đồng, do chưa trả được nợ nên chốt nợ theo giấy nợ ngày 16/4/2012, số nợ vốn và lãi là 1.485.000.000 đồng. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R, tỉnh Đ ngày 18/10/2014, ông D đồng ý trả cho ông T số tiền 1.500.000.000 đồng. Số tiền 975.000.000 đồng đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 5/2014/QĐST-KDTM, ngày 28/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố C. Hiện nay, còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – thành phố C, Đ số tiền 356.143.212 đồng. Nay, ông D không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Trần Tấn T, ông D đồng ý trả cho ông T số tiền 356.143.212 đồng.

Theo đơn phản tố ngày 10/8/2022 của ông Võ Văn D như sau:

Ông D yêu cầu ông T trả số tiền 509.566.000 đồng, cụ thể :

1. Xe hiệu KIA mua và sửa 105.000.000 đồng do 3 người hùn mua gồm: Võ Văn D, Trần Tấn T và Lê Tuấn Hoàng Anh. Trong quá trình làm ăn hùn vốn thì xe KIA giao cho ông T quản lý sử dụng và ông T bán cho người khác mà không báo và không trả tiền lại cho ông D. Yêu cầu ông T trả 1/3 giá trị bằng tiền chiếc xe là 35.000.000 đồng.

2. Ông D đã ra tiền nộp chuyển mục đích sử dụng đất cho ông T với số tiền 165.000.000 đồng. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 165.000.000 đồng.

3. Ông D đã mang tiền đến Ngân hàng Dầu khí trả thay tiền cá nhân của ông T vay với số tiền 175.000.000 đồng là tiền hùn kinh doanh làm ăn chung giữa ông D với ông T và ông Hoàng Anh. Yêu cầu ông T trả lại 1/3 số tiền là 58.300.000 đồng.

4. Ông D đã đầu tư bơm cát, xây dựng mặt bằng vừa xoài trên đất của ông T để kinh doanh xoài số tiền 75.000.000 đồng. T sản đầu tư vào hiện nay do ông T quản lý sử dụng trên đất của ông T. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 75.000.000 đồng.

5. Ông D đã xuất ra số tiền 40.000.000 đồng và ông Hoàng Anh xuất ra số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng đầu tư thuê vừa ở chợ Dầu

Mỗi đề cả 3 (ông T, ông D và Hoàng Anh) cùng kinh doanh. Yêu cầu ông T trả 1/3 giá trị tiền là 16.600.000 đồng.

6. Ông T đã ủy quyền cho ông Lê Thanh Sang đến lấy số tiền 70.000.000 đồng. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 70.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D rút một phần yêu cầu phản tố, chỉ còn lại ba yêu cầu thể như sau:

1. Xe hiệu KIA mua và sửa 105.000.000 đồng do 3 người hùn mua gồm: Võ Văn D, Trần Tấn T và Lê Tuấn Hoàng Anh. Trong quá trình làm ăn hùn vốn thì xe KIA giao cho ông T quản lý sử dụng và ông T bán cho người khác mà không báo và không trả tiền lại cho ông D. Yêu cầu ông T trả 1/3 giá trị bằng tiền chiếc xe là 35.000.000 đồng.

2. Ông D đã đầu tư bơm cát, xây dựng mặt bằng vừa xoài trên đất của ông T để kinh doanh xoài số tiền 75.000.000 đồng. T sản đầu tư vào hiện nay do ông T quản lý sử dụng trên đất của ông T. Yêu cầu ông T trả lại số tiền 75.000.000 đồng.

3. Ông D đã xuất ra số tiền 40.000.000 đồng và ông Hoàng Anh xuất ra số tiền 10.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng đầu tư thuê vừa ở chợ Đầu Mối đề cả 3 (ông T, ông D và Hoàng Anh) cùng kinh doanh. Yêu cầu ông T trả 1/3 giá trị tiền là 16.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N đại diện ông D ý kiến :

Ông D không đồng ý theo yêu cầu của ông T; ông D rút To bộ yêu cầu phản tố; ông D không yêu cầu hoặc tranh chấp gì đối với ông Lê Tấn Hoàng Anh, Trịnh Văn Tư, Trần Văn Hùng trong vụ kiện này.

- *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn :*

Số tiền theo biên bản ngày 18/10/2014 có liên quan đến số tiền 975.000.000 đồng mà số tiền này đã được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 5/2014/QĐST-KDTM, ngày 28/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố C, do đó, đề nghị đưa Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố C, tỉnh Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền 975.000.000 đồng như ông T đã khai.

Tranh chấp đòi lại T sản hay hợp đồng vay T sản, đề nghị xem xét thời hiệu.

Đề nghị xem xét lời khai của ông T cho rằng số tiền 975.000.000 đồng có trong số tiền 1.500.000.000 đồng.

Đề nghị không chấp nhận đơn của ông Trần Tấn T.

- *Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :*

. *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán : Quá trình giải quyết vụ việc của Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về: Xử lý đơn khởi kiện (Điều 191, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết (Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự), xác định tư cách đương sự đúng quy định (Điều 68

của Bộ luật tố tụng dân sự), việc cấp tổng đạt các thông báo, quyết định của Tòa án (Điều 171 của Bộ luật tố tụng dân sự), thủ tục tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải (Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự), thời hạn chuẩn bị xét xử Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa : Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng : Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

. *Về việc giải quyết vụ án*

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Buộc ông Võ Văn D trả cho ông Trần Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng.

Án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình gài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ các T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. Về tố tụng : Theo đơn khởi kiện của ông Trần Tấn T yêu cầu ông Võ Văn D trả tiền nợ vay và tiền lãi, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay T sản”. Tại phiên tòa, ông Dương Minh To đại diện ông Trần Tấn T thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp là yêu cầu đòi lại T sản (yêu cầu số tiền 1.500.000.000 đồng theo biên bản ngày 18/10/2014).

[2]. Về thẩm quyền : Theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn T tranh chấp về “đòi lại T sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về nội dung : Xét yêu cầu của ông Trần Tấn T yêu cầu ông Võ Văn D trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

Theo “*Biên bản về việc thỏa thuận, giải quyết vụ đơn tố cáo của ông Trần Tấn T, sinh năm 1960, ngụ : Ấp Bình Chánh, xã Bình Thành, huyện R tỉnh D ngày 18/10/2014*” thể hiện ông Võ Văn D thống nhất có nợ ông Trần Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), ông D cam kết mỗi tháng trả số tiền 100.000.000 đồng, trả lần đầu vào ngày 30/12/2014, tuy nhiên, đến nay ông D chưa trả cho ông T.

Ông T trình bày, khoản tiền theo Biên bản ngày 18/10/2014 có số nợ 1,7 tỷ đồng xuất phát từ số tiền vay theo biên nhận ngày 27/11/2011, số tiền 1.435.000.000 đồng, do ông D chưa trả tiền nên hai bên thống nhất số nợ 1.485.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 16/4/2012. Năm 2014, ông T yêu cầu Công an huyện R giải quyết, tổng số nợ 1.700.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đi đến thống nhất số tiền ông D cam kết trả là 1.500.000.000 đồng. Số tiền này không liên quan đến số tiền 975.000.000 đồng (số tiền 975.000.000 đồng và lãi suất do cơ quan Thi hành án đang tổ chức thi hành), từ khi cam kết đến nay ông

D chưa trả khoản nợ nào. Nay, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện từ hợp đồng vay T sản thành đòi lại T sản, yêu cầu cá nhân ông Võ Văn D trả số tiền 1.500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Và Bùi Mỹ N đại diện ông D có trình bày, số tiền 1.500.000.000 đồng xuất phát từ số tiền ông T cho ông D mượn quyền sử dụng đất thửa 2727, tờ bản đồ số 5, diện tích đất 660 m², tại xã Bình Thành, huyện R, Đtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 236469, số vào sổ cấp GCN : CH 00873, ngày 25/8/2011 do ông Trần Tấn T đứng tên, trị giá T sản số tiền 975.000.000 đồng, số tiền này đã được Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 05/2014/QĐST-KDTM, ngày 28/02/2014. Do ông D không có tiền trả nên ông T kê tiền lãi thành 1.700.000.000 đồng. Tại Công an huyện R, tỉnh Đông D ký tên vào biên bản ngày 18/10/2014 đồng ý trả cho ông T số tiền 1.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong buổi làm việc ngày 18/10/2014 tại Công an huyện R thì hay tin mẹ ông D bệnh, ông D muốn về sớm để giải quyết việc gia đình nên ông D ký tên vào biên bản ngày 18/10/2014, nhưng từ ngày 18/10/2014 đến nay ông D không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền về việc ký tên vào biên bản ngày 18/10/2014.

Xét thấy, theo biên bản ngày 18/10/2014 tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R, tỉnh Đthể hiện ông D đồng ý trả cho ông T số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông D hẹn đến ngày 30/12/2014 sẽ thanh toán nợ cho ông T lần đầu tiên là 100.000.000 đồng, sau đó hàng tháng sẽ tiếp tục trả 100.000.000 đồng. Biên nhận trên là do ông D tự nguyện ký tên thừa nhận nợ và cam kết trả nợ, không có ai ép buộc ông D và từ ngày 18/10/2014 đến nay ông D không gửi đơn đến cơ quan chức năng để giải quyết vấn đề ông D ký tên vào biên bản ngày 18/10/2014. Mặt khác, biên nhận ngày 18/10/2014 tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện R, tỉnh Đthể hiện “*Ngòai ra, số tiền vay ngân hàng là 975.000.000 tôi sẽ tiếp tục đóng lãi cho đến khi nào thanh toán xong tiền nợ ngân hàng*”. Theo như biên bản ngày 18/10/2014 thì ông D nợ ông T hai khoản nợ tách bạch nhau, khoản nợ 1.500.000.000 đồng và khoản nợ 975.000.000 đồng. Ông D không chứng minh được số tiền 975.000.000 đồng có trong số tiền 1.500.000.000 đồng. Do đó, ông T yêu cầu ông D trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Ông Võ Văn D rút To bộ yêu cầu phản tố, căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử To bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Văn D.

Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, như nhận định trên thì số tiền 975.000.000 đồng và số tiền 1.500.000.000 đồng khác nhau, do đó, không đưa Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – thành phố C, tỉnh Đvào tham gia tố tụng.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát thành phố C, tỉnh Đcó căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tấn T yêu cầu ông Võ Văn D trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử To bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Văn D.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn D là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí, do đó, Hội đồng xét xử miễn To bộ án phí cho ông Võ Văn D.

Ông Trần Tấn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tấn T.

Buộc ông Võ Văn D có trách nhiệm trả cho ông Trần Tấn T số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử To bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Văn D.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn To bộ án phí cho ông Võ Văn D.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Tấn T đã được miễn theo thông báo số 44/TB-TA, ngày 11/7/2022.

Tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Võ Văn D đã được miễn theo thông báo số 67/TB-TA, ngày 24/8/2022.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

